TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **13**/2020/QĐST-DS	*Đ, ngày 22 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 5 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 67/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị G – sinh năm 1960 và ông Mai Văn P – sinh năm 1960.

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Mỹ C – sinh năm 1973 và ông Trương Thanh N – sinh năm 1961.

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Trương Thanh N, bà Lê Thị Mỹ C đồng ý trả cho ông Mai Văn P, bà Bùi Thị G tiền nợ hụi là 38.160.000đ và tiền nợ vay là 50.000.000đ; tổng cộng 88.160.000đ (Tám mươi tám triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá

mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 của Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm hòa giải thành 2.204.000đ: Ông P, bà G tự nguyện chịu số tiền 1.102.000đ; Ông N, bà C tự nguyện chịu số tiền 1.102.000đ.

Ông P, bà G đã nộp tạm ứng 2.571.000đ (Theo biên lai thu số 0005050 ngày 04/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ) được trừ vào án phí nên ông P, bà G được hoàn lại 1.469.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Xuân Hòa